TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh

2. Ông Nguyễn Đình Như

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, giao nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HPT ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị U, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 01, ấp Sóc Dầm, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Anh Điểu T, sinh năm 1990;

Trú tại: Tổ 05, ấp 05, xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị U và anh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2016 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình; Sau khi kết hôn thì chị U và anh T sinh sống tại ấp Sóc Dầm, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, chị U cho rằng vợ chồng sống chung không có hạnh phúc ngày nào, nguyên nhân mâu thuẫn anh T thường xuyên nhậu nhẹt, quậy phá, không lo cho gia đình vợ con, mỗi lần anh T đi nhậu về là phá đồ trong gia đình, nhiều lần

chính quyền đia phương can thiệp nhưng anh T vẫn không thay đổi cho đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Điểu T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Điểu M, sinh năm: 2010; Điểu C, sinh năm: 2012 và Thị Ánh T, sinh năm: 2017, nay ly hôn chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng T (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai anh Điểu T trình bày: Anh thống nhất như lời trình chị U về thời gian kết hôn, theo anh T thì do vợ chồng không có gì mâu thuẫn, nhưng vợ chồng đã sống ly thân tử năm 2021 nên chị U yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Điểu M, sinh năm: 2010; Điểu C, sinh năm: 2012 và Thị Ánh T, sinh năm: 2017, khi ly hôn thì anh T không đồng ý 03 con chung cho chị U nuôi dưỡng và anh T cũng yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung cháu M, C và cháu T.

Về cấp dưỡng : Anh T yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: có yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, có đủ căn cứ xác định tình cảm giữa chị Hoa và anh Nắnh đã mâu thuẫn trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật*:* Chị Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điểu T, anh T có nơi cư trú ấp 05, xã An Khương, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây

là vụ án Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Điểu T nhưng anh Điểu T không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật. Chị U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ vào Khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị U theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2009, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị U xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình vợ con, mỗi lần ăn nhậu về quậy phá đồ đạc trong gia đình, nhiều lần chị U có báo chính quyền địa phương để can thiệp nhưng anh T vẫn không thay đổi, đến năm 2021 vợ chồng sống ly thân, tại đơn khởi kiện và bản tự khai của chị U phù hợp với biên bản xác minh được ban ấp nơi chị U và T sinh sống, xác nhận đúng theo lời trình bày nguyên nhân của chị U trình bày, Quá trình giải quyết vụ án, theo anh T thì do vợ chồng không có gì mâu thuẫn, nhưng vợ chồng đã sống ly thân tử năm 2021 nhưng chị U yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái với đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Điểu M, sinh năm: 2010; Điểu C, sinh năm: 2012 và Thị Ánh T, sinh năm: 2017. Nay ly hôn chị U và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung và yêu cầu các bên cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng T. Hội đồng xét xử nhận thấy, xét về điều kiện nuôi con chung đối với yêu cầu của chị U, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung thì với điều kiện mức lương của chị U làm Công ty với mức lương bình quân mỗi tháng 4.300.00 đồng và anh T làm công việc tự do nên thu nhập bình quân củng từ 4.000.000 đồng/tháng. Xét về điều kiện với mức lương của chị U và anh T không thể giao 03 con chung cho chị U hoặc anh T trực tiếp nuôi dưỡng được mà cần giao 02 con chung Điểu M, sinh năm: 2010; Điểu C, sinh năm: 2012 cho chị U nuôi dưỡng và 02 cháu C và cháu M đều có nguyện vọng được ở với chị U. Vì vậy cần giao cháu C và cháu M cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, nên cháu Thị Ánh T, sinh năm: 2017 giao cho anh Điểu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị U, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

Tại bản tự khai anh T trình bày về tài sản chung yêu cầu chia tài sản chung những không ghi rõ có những tài sản chung gì, yêu cầu giải quyết như thế nào. Nên Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh T làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ghi rõ tài sản chung gì và yêu cầu giải quyết như thế nào nhưng anh T đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng anh T không làm đơn cũng nhưng nộp tạm ứng phí, quá thời hạn nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thị U.

Chị Thị U được ly hôn với anh Điểu T (Đã đăng ký giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 10/6/2016, do Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung Điểu M, sinh năm: 2010; Điểu C, sinh năm: 2012 cho chị Thị U trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Thị Anh T, sinh năm: 2017 cho anh Điểu T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị U và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa T niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0013888 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Hồ Văn Thanh

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND H. Hớn Quản;
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- UBND xã Thanh An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HS.